



CHƯƠNG V

cuu duong than cong . com

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cuu duong than cong . com

Nội dung

1. **Khái niệm và định nghĩa**
2. **Yêu cầu, nguyên tắc lớp và trình bày báo cáo tài chính**
3. **Hệ thống báo cáo tài chính
(Chuẩn mực kế toán số 21)**

1. Khái niệm và ngành

Khái niệm:

- báo cáo tài chính là báo cáo kế toán cung cấp các thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của một doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu hữu ích cho số đông những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế.
- Để đạt mục đích này báo cáo tài chính phải cung cấp những thông tin của một doanh nghiệp về:
 - a/ Tài sản;
 - b/ Nợ phải trả;
 - c/ Vốn chủ sở hữu;
 - d/ Doanh thu, thu nhập khác, chi phí, lãi và lỗ;
 - đ/ Các luồng tiền.

1. Khái niệm và ý nghĩa

Ý nghĩa

- Cung cấp thông tin khái quát, tổng hợp nhất về tình hình tài chính, về kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- Cho phép kiểm tra, phân tích, đánh giá;
- Giúp các đối tượng sử dụng thông tin đưa ra các quyết định.

2. Yêu cầu, nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính

○ Yêu cầu:

- Trung thực và hợp lý
- Lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán phù hợp với qui định của từng chuẩn mực kế toán nhằm đảm bảo cung cấp thông tin thích hợp với nhu cầu ra các quyết định kinh tế của người sử dụng và cung cấp được các thông tin đáng tin cậy.

2. Yêu cầu, nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính

- Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính:
 - **Hoạt động liên tục;**
 - **Cơ sở dồn tích;**
 - **Nhất quán;**
 - **Trọng yếu và tập hợp;**
 - **Bù trừ;**
 - **Có thể so sánh.**

3. Hệ thống báo cáo tài chính

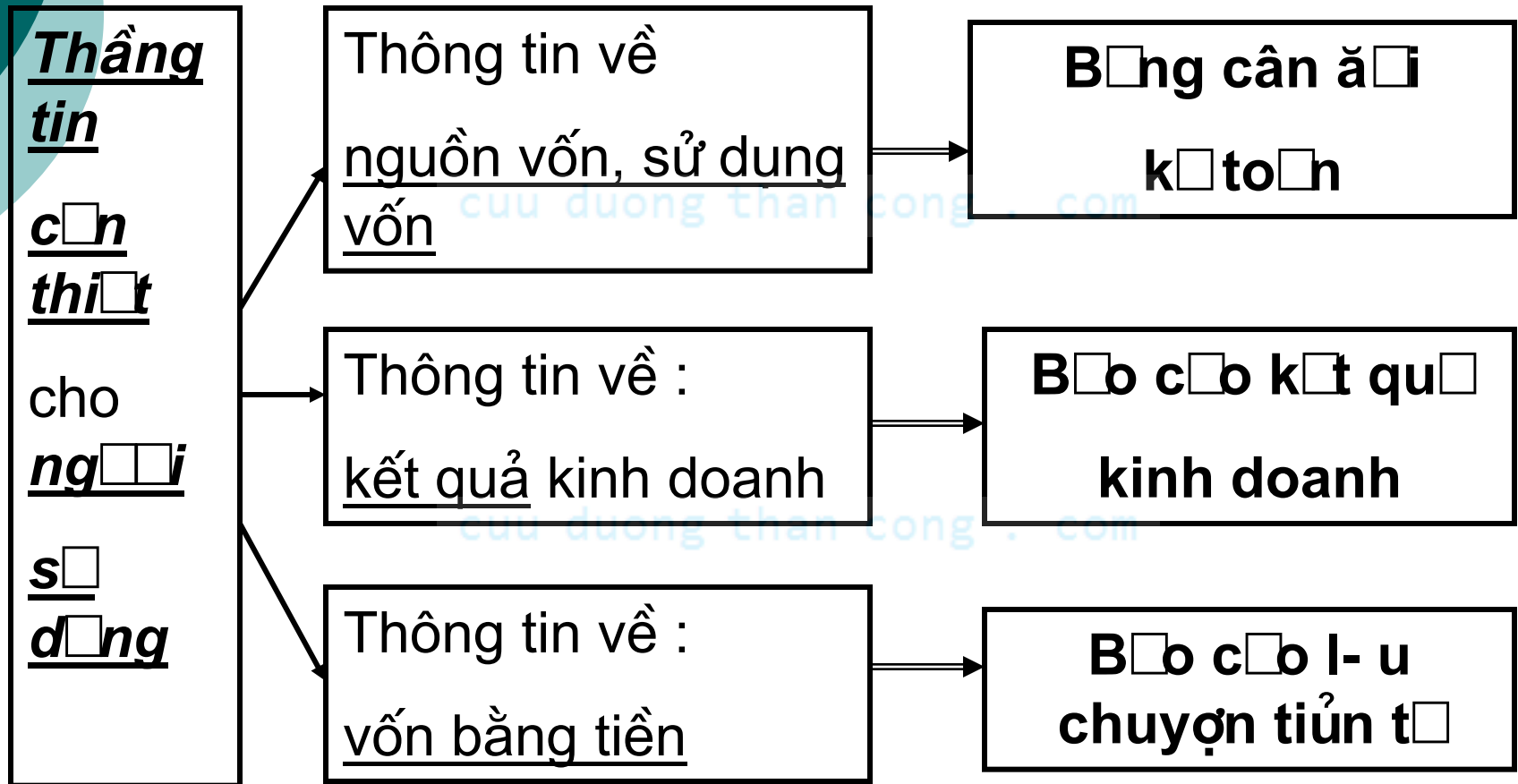
a. Phân loại:

- Theo mức độ khái quát
- Theo cấp quản lý
- Theo mức độ tiêu chuẩn

b. Hệ thống báo cáo tài chính DN:

- Bảng cân đối kế toán,
- Báo cáo kết quả KD
- Bảng I- u chuyển tiền tệ
- Bảng Thuyết Minh báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính



b.1. Bảng cân đối kế toán

- Khái niệm : Là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh **tổng quát** toàn bộ **giới hạn tài sản** hiện có và **nguồn** hình thành tài sản đó của doanh nghiệp tại **một thời điểm nhất định**

□đc ăi ợm

Phản ánh tổng quát toàn bộ TS, NV theo một hệ thống chỉ tiêu đ- ợc quy định thống nhất.

- Phản ánh TS, NV d- ới hình thức giá trị.
- Phản ánh □ tnh hình tài chính của DN□ ở một thời điểm nhất định :
 - Các nguồn lực kinh tế mà DN kiểm soát;
 - Quyền lợi của chủ nợ đối với các nguồn lực đó;
 - Giá trị mà chủ sở hữu có trong doanh nghiệp.

Kiểm cầu BTKTS

Tài sản và Nguồn vốn.

- Các yếu tố: Tài sản, Công nợ và Nguồn vốn chủ sở hữu.
- Theo chiều dọc hoặc chiều ngang
- Các yếu tố bắt buộc khác:
 - Tên của đơn vị kế toán;
 - Tên của báo cáo tài chính : □ Bảng cân đối kế toán□
 - Ngày lập báo cáo.

Các yếu tố của bảng CKT

➤ Tài sản :

Là nguồn lực do DN kiểm soát và có thể thu được lợi ích kinh tế trong tương lai.

➤ Nợ phải trả :

Là nghĩa vụ hiện tại của DN phát sinh từ các giao dịch và sự kiện đã qua mà DN phải thanh toán từ các nguồn lực của mình.

➤ Nguồn vốn chủ sở hữu :

- Là giá trị vốn của DN;

= **Giá trị Tài sản - Nợ phải trả**

Ph- ng php lớp

❖ Nguồn số liệu:

- Bảng cân đối kế toán kỳ tr- ớc
- Số d- cuối kỳ của các TK kế toán.

❖ Phong pháp lập:

- **Cột đầu kỳ:** lấy số liệu của bảng cân đối kế toán cuối kỳ tr- ớc;
- **Cột cuối kỳ:** căn cứ vào số d- cuối kỳ của các tài khoản kế toán để xây dựng các chỉ tiêu t- ơng ứng.

L- u ☐

- Một số TK điều chỉnh giảm (TK dự phòng và TK khấu hao) có số d- bên Có thì SDCK đ- ợc phản ánh vào bên Tài sản d- ới dạng số âm.
- TK 412, 413, 421 nếu có số D- Có thì ghi d- ợng, D- Nợ thì ghi âm.
- TK 131 có d- Có thì phản ánh vào chỉ tiêu ☐ Trả trước của người mua ☐ phần Nguồn vốn;
- TK 331 có d- Nợ thì phản ánh vào chỉ tiêu ☐ Trả trước cho người bán ☐ phần Tài sản.

Giới thiệu Bảng CKT

- Mẫu B01-DN.
- Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
- Kết cấu của các phần.
- Bài tập minh họa.

cuu duong than cong . com

Bảng cân đối kế toán

TÀI SẢN

NGUỒN VỐN

TÀI SẢN NGẮN HẠN

- Vốn bằng tiền
- Đầu t- ngắn hạn
- Phải thu
- Hàng tồn kho

NỢ PHẢI TRẢ

- Vay ngắn hạn
- Nợ nhà cung cấp
- Nợ khác trong kd.
- Vay dài hạn

TÀI SẢN DÀI HẠN

- *Hữu hình*
- *Vô hình*
- *Tài chính*

NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

- *Nguồn vốn kinh doanh,*
 - *Kết quả kinh doanh*
 - *Quỹ đầu t- phát triển*
 - *Quỹ dự phòng ...*

Tài khoản 131 □ Phải thu của khách hàng □

131 “Phải thu khách hàng”

- Số Tiền phải thu tăng lên trong kỳ

- Số tiền đã thu trong kỳ

D- N□: Số tiền còn phải thu đến cuối kỳ

Tài s□h

131 “Kh□ch hàng □ng tr- □c□

- Khoản ứng tr- ớc đã thanh toán

- Số tiền khách hàng ứng tr- ớc trong kỳ

D- C□: Số tiền Khách hàng còn ứng tr- ớc đến cuối kỳ

Ngu□h v□h

Tài khoản 331 □ Phải trả cho nhà cung cấp □

331 “□ng trước cho người bán”

Số Tiền ứng tr-ớc cho ng-ời bán trong kỳ	Khoản ứng tr-ớc đã đ-ợc thanh toán trong kỳ
D- N □: Số tiền còn ứng tr-ớc cho ng-ời bán đến cuối kỳ	

Tài s □ h

131 “Ph □ tr □ nhà cung cấ □

- Số Tiền đã trả trong kỳ	- Số Tiền phải trả tăng lên trong kỳ
	D- C □: Số tiền còn phải trả đến cuối kỳ

Ngu □ h v □ h

B2. Báo cáo kết quả kinh doanh

➤ Khái niệm:

Là báo cáo tổng hợp phản ánh trình
hình và kết quả kinh doanh trong
một kỳ hoạt động của DN

cuu duong than cong . com

Báo cáo kết quả kinh doanh

- Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006
- **Kết cấu:** 5 cột:
- **Cơ sở số liệu:**
 - Báo cáo KQKD của năm trước.
 - Căn cứ vào các tài khoản loại 5, 6, 7, 8, 9.

B2.1 Khái niệm và nội dung

Kết quả kinh doanh là *phần chênh lệch* giữa tổng **doanh thu** và tổng **chi phí** của các hoạt động kinh doanh đã đ- ợc thực hiện trong một thời kỳ nhất định. Nếu doanh thu lớn hơn chi phí thì doanh nghiệp có lợi nhuận nếu bằng hoặc nhỏ hơn thì doanh nghiệp hoà vốn hoặc lỗ vốn.

cuu duong than cong . com

B2.1 Khái niệm và nội dung

- Kết quả kinh doanh bao gồm:
 - Kết quả hoạt động SXKD là kết quả của hoạt động bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ
 - Kết quả hoạt động tài chính
 - Kết quả hoạt động khác

B2.2 Báo cáo Lãi Lỗ

- Tổng Doanh thu
- Các khoản giảm trừ doanh thu
- Doanh thu thuần
- Giá vốn hàng bán
- Lãi nhuận gộp vủ BH và CCDv
- Doanh thu H tài ch
- Chi ph tài ch
- Chi ph b hàng
- Chi ph qu l doanh nghi p
- Lãi nhuận thuần t H KD

Báo cáo Lãi Lỗ

- Lãi nhuận thu h t H KD
- Thu nhập kh c
- Chi phí kh c
- Tăng lãi nhuận tr- c thu
- Chi phí thuế TNDN hiện h nh
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại
- Lãi nhuận sau thu

B2.3. Kế toán CFBH và CF QLDN

- **Chi phí bán hàng** là toàn bộ những chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra có liên quan đến quá trình tổ chức bán hàng hoá, sản phẩm dịch vụ
- **Chi phí quản lý doanh nghiệp** là toàn bộ các chi phí đã phát sinh liên quan đến quá trình quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và các chi phí chung khác liên quan đến toàn doanh nghiệp.

Kế toán Chi phí bán hàng

Các yêu cầu của Chi phí bán hàng

- **Chi phí nhân viên**
- **Chi phí vận tải lưu, bao bì**
- **Chi phí căng cạp, ăn uống**
- **Chi phí khấu hao TSCĐ**
- **Chi phí báo hành sản phẩm**
- **Chi phí dịch vụ mua ngoài**
- **Chi phí bằng tiền khác**

Kế toán Chi phí bán hàng

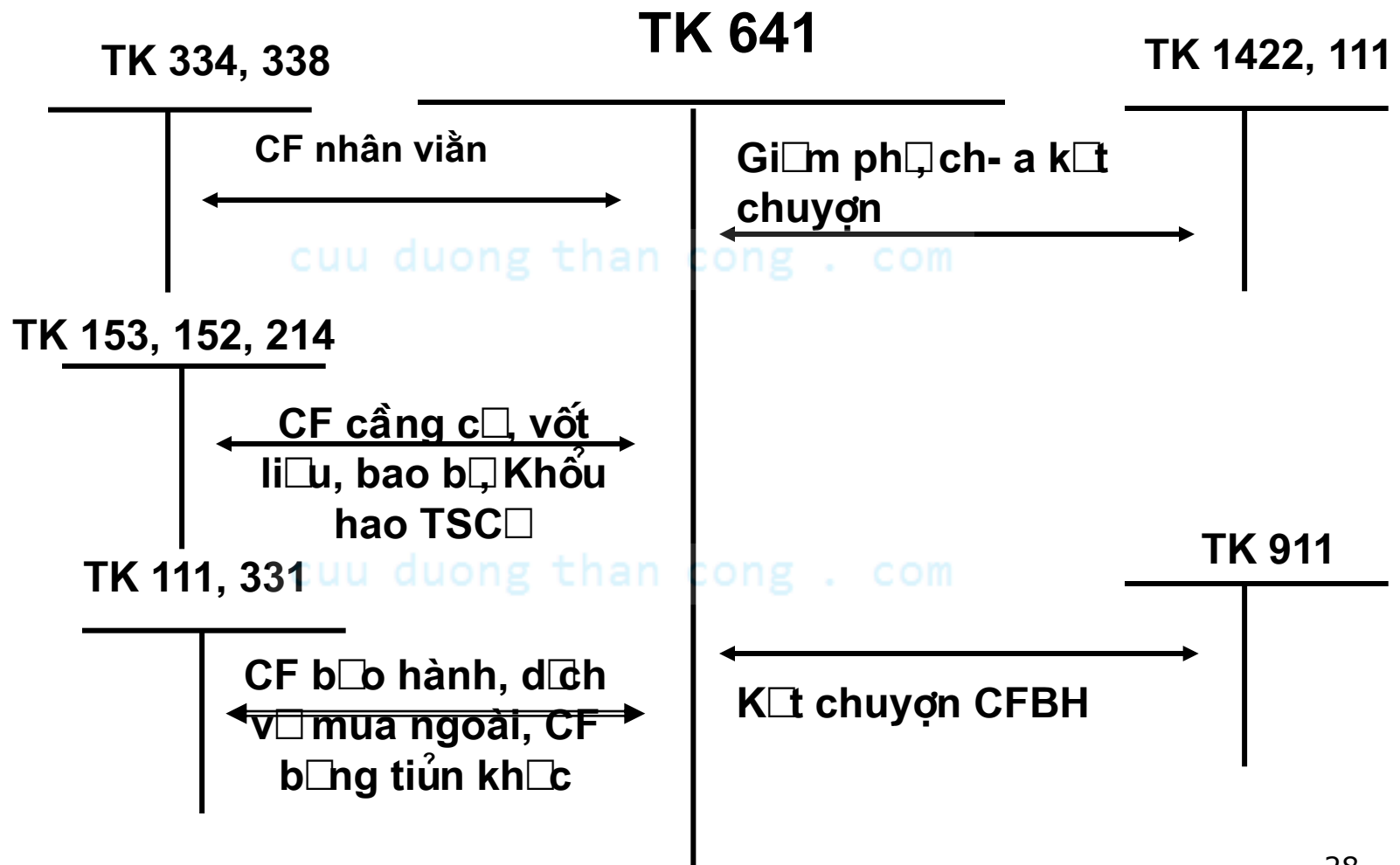
Tài khoản sử dụng

641 “Chi phí bán hàng”

Chi phí phát
sinh trong kỳ

Kết chuyển chi phí
sang TK x/đ KQ

Kế toán Chi phí bán hàng



Kế toán Chi phí QLDN

Các yêu cầu của Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí vật liệu quản lý
- Chi phí ăn ở, đi lại và phương tiện
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Thuế, phí, lệ phí
- Chi phí dịch vụ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Kế toán Chi phí hàng

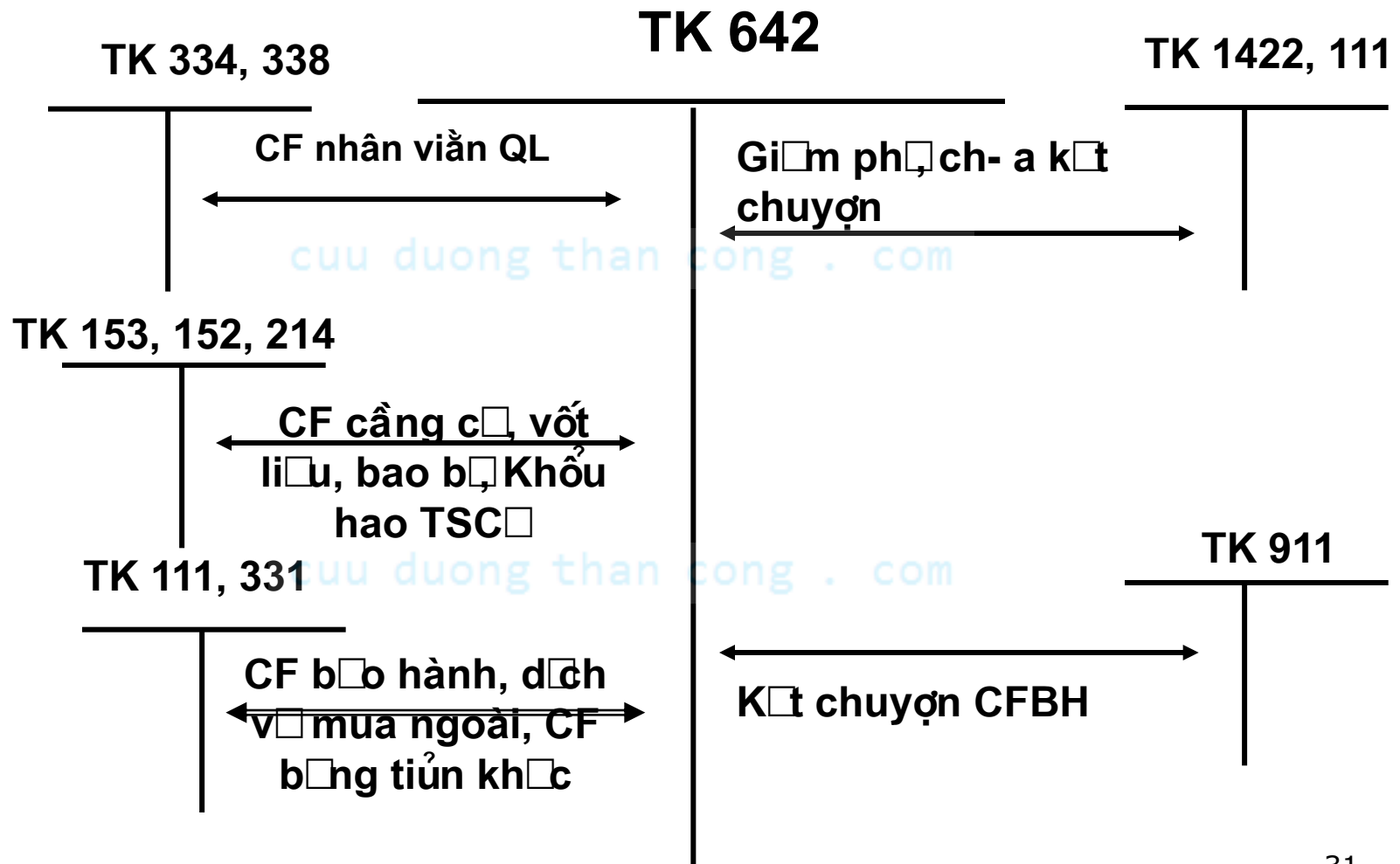
Tài khoản sử dụng

642 “Chi phí QLDN”

Chi phí phát
sinh trong kỳ

Kết chuyển chi phí
sang TK x/đ KQ

Kế toán Chi phí hàng



Kế hoạch xác định KQ hoạt động Tài chính

- Hoạt động TC là hoạt động có liên quan đến việc huy động, quản lý phân phối và sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp.
- Kết quả các hoạt động đầu t- tài chính là kết quả đ- ợc hình thành từ các nghiệp vụ đầu t- chứng khoán, góp vốn liên doanh, kinh doanh bất động sản, cho vay vốn v. v..

Thu nhập hoạt động TC

- Lãi do mua bán chứng khoán
- Lợi tức cổ phần, lãi trái phiếu, tín phiếu
- Thu nhập cho thuê TSCĐ tài chính
- Thu lãi cho vay vốn
- Thu nhập do bán bất động sản
- Thu nhập đ- ợc chia từ hoạt động tham gia liên doanh
- Lãi mua bán ngoại tệ

Chi phí hoạt động TC

- Lỗ do mua bán chứng khoán
- Chi phí cho các hoạt động đầu t- chứng khoán
- Lỗ do hoạt động liên doanh
- Chi phí hoạt động đầu t- tài chính khác
- Chi phí dự phòng giảm giá đầu t-
- Chiết khấu thanh toán cho ng- ời mua

Kế toán TN và CF tài chính

Tài khoản sử dụng

515 “TNTC”

Kết chuyển
TN sang TK
x/đ KQ

Thu nhập TC
phát sinh
trong kỳ

CFTC phát
sinh trong kỳ

635 “CFTC”

Kết chuyển
CFTC sang
TK x/đ KQ

Kế toán TNTC

- **Khi phát sinh các khoản thu nhập tài sản không tài khoản và thu nhập khác cần có vào chứng từ kế toán ghi:**

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 112 - Tiền gửi ngân hàng

Nợ TK 138 (1388) - Phải thu khác

Có TK 515 - Thu nhập hoạt động tài chính

Kế toán CFTC

- **Khi phát sinh các khoản CFTC:**
Nợ TK 635 - Chi phí hoạt động tài chính
 Có TK 111 - Tiền mặt
 Có TK 112 - Tiền gửi ngân hàng

cuu duong than cong . com

Kế toán CFTC

- **Phát sinh khoản lỗ vủ hoả ảnh TC:**
Nợ TK 635 - Chi phí hoạt động tài chính
 Có TK 222 - Góp vốn liên doanh
 Có TK 121,221 - Đầu t- CKNH, DH
 Có TK 228 - Đầu t- dài hạn khác
- **Khi trích lập dự phòng giảm giá Đt- TC:**
Nợ TK 635 - Chi phí hoạt động tài chính
 Có TK 129 - Dự phòng giảm giá Đt- NH
 Có TK 229 - Dự phòng giảm giá ĐTDH

Kế toán CFTC

- **Kế chuyển chi phí hoạt động tài chính**
Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh
Có TK 635 - Chi phí tài chính

cuu duong than cong . com

Kế toán xác định KQ hoạt động khác

- **Hoạt động khác** là những hoạt động còn lại mà doanh nghiệp tiến hành ch- a kể vào 2 hoạt động ở trên. (th- ờng là từ các nghiệp vụ không th- ờng xuyên ở doanh nghiệp, nằm ngoài dự tính của doanh nghiệp)
- Kết quả hoạt động khác là khoản chênh lệch giữa thu và chi khác phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

Thu nhập hoạt động khác

- Thu do nh- ợng bán, thanh lý TSCĐ, bán phế liệu
- Thu các khoản đ- ợc phạt được bồi th- ờng
- Thu về các khoản nợ vắng chủ
- Tài sản thừa...
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá tồn kho và phải thu khó đòi

Chi phí hoạt động khác

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý nhượng bán.
- Các khoản bị phạt, bị bồi thường.
- Các khoản chi phí khác khác.

cuu duong than cong . com

Kế toán TN và CF khác

Tài khoản sử dụng 711 “TN khác”

Kết chuyển
TN sang TK
x/d KQ

Thu nhập TC
phát sinh
trong kỳ

CFTC phát
sinh trong kỳ

811 “CF khác”

Kết chuyển
CFTC sang
TK x/d KQ

Kế toán TN khác

- **Khi phát sinh các khoản thu vủ nh- ững bñh, thanh lñ TSCñ, kế toán ghi:**
Nợ TK 111, 112 - Tiền mặt , TGNH
Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng
 Có TK 333 - Thuế GTGT phải nộp (3331)
 Có TK 711 - Thu nhập khác
- **Các khoản nñ không xác ãnh ã- ững chñ nñ, xñ lñ ghi vào thu nhập khác.**
Nợ TK 331 - Phải trả ng- ời bán
Nợ TK 338 - Phải trả, phải nộp khác
 Có TK 711 - Thu nhập khác

Kế toán TN khác

- Các khoản giảm thu, kế toán ghi:
Nợ TK 111, 112 - Tiền mặt
Nợ TK 333 - Thuế, phí, lệ phí
Có TK 711 - Thu nhập khác
- Các khoản nhận khác đi để thu hồi:
Nợ TK 111 - Tiền mặt
Nợ TK 112 - Tiền gửi ngân hàng
Có TK 711 - Thu nhập khác

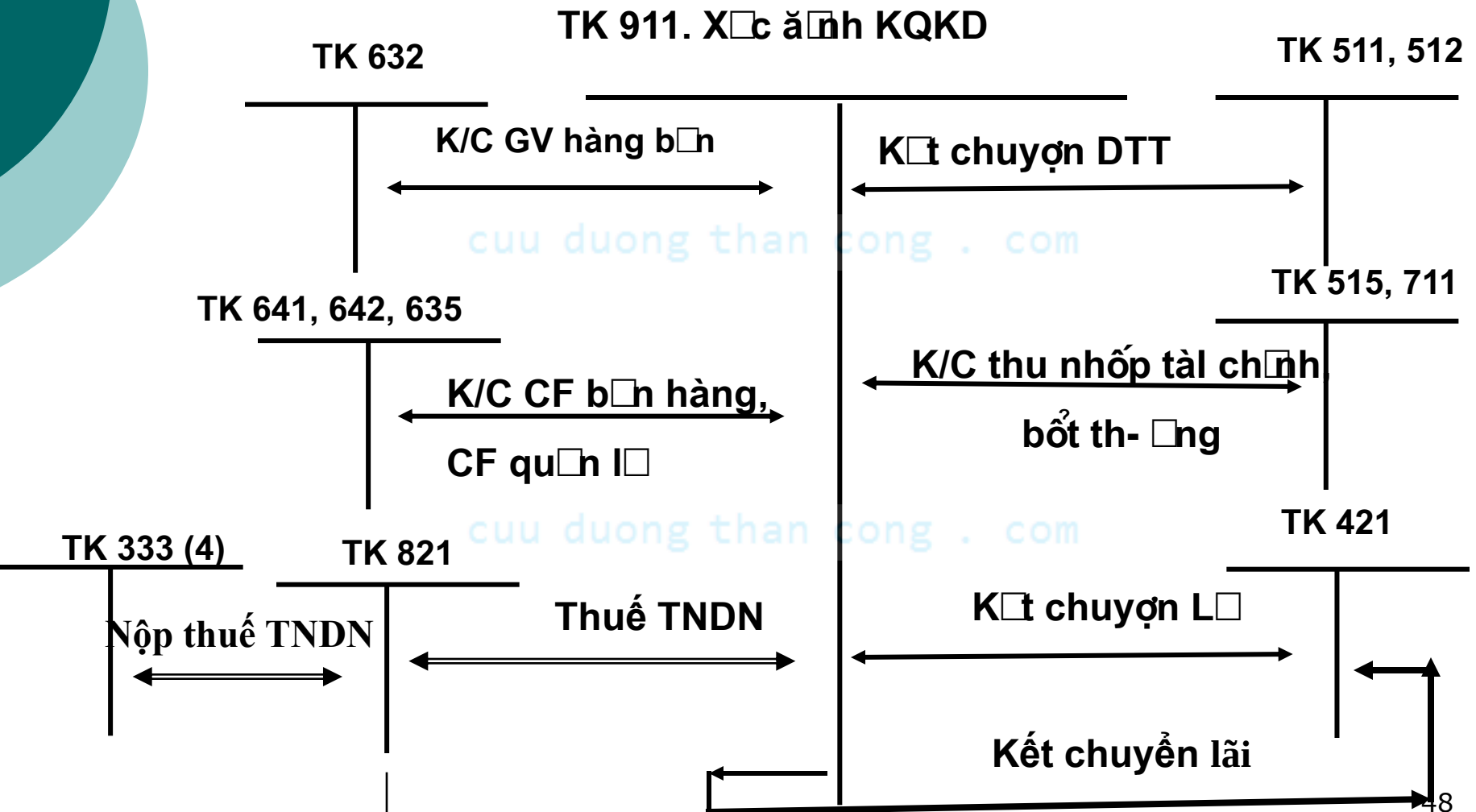
Kiến thức TN kh

- **Các khoản á- các ph- á- các b- th- ng, k- to- ghi:**
Nợ TK 111 - Tiền mặt
Nợ TK 112 - Tiền gửi ngân hàng
Nợ TK 138 - Phải thu khác
 Có TK 711 - Thu nhập khác
- **K- chuyển thu nhập ho- á- ng k- c, k- to- ghi:**
Nợ TK 711 - Thu nhập khác
 Có TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Kế toán CF khác

- **Tr- ứng hợp thanh lý hoặc nh- ứng bán TSCĐ:**
Nợ TK 811 - Chi phí khác
 Có TK 211 - TSCĐ hữu hình
 Có TK 213 - TSCĐ vô hình
- **Xí lý tài khoản thiêu hụt xóc ănh ă- c
nguyên nhân quy ănh xí lý ghi vào chi ph
kh:**
Nợ TK 811 - Chi phí khác
 Có TK 138 - Phải thu khác (1381)

Xác định kết quả kinh doanh

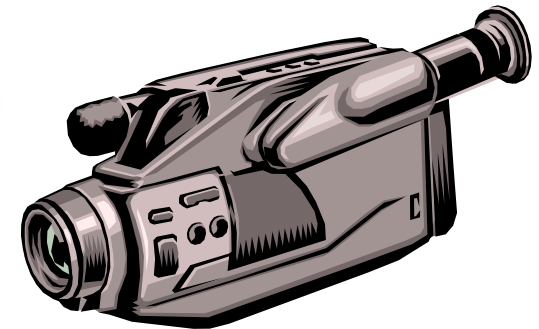


So sánh BCĐKT v BCKQKD

Bảng cân nhắc lợi ích to hơn thợ nhiếp ảnh tranh tài chính từ một thời điểm

- Bảng cân nhắc KQKD cho thấy hiệu quả KD qua một thời kỳ

- Thợ nhiếp ảnh các DT và CF trong một kỳ
- Giới thiệu sự thay đổi giữa BCĐKT và BCCKQKD và cuối kỳ



So sánh BCĐKT và BCKQKD

-Các TK của BCĐKT là các TK th- ờng xuyên -Các số liệu tích lũy từ khi công ty bắt đầu hoạt động	-Các TK của BCKQKD mang tính tạm thời -Các TK này luôn luôn bắt đầu bằng số 0 và cũng đ- ợc đ- a về số 0 khi khoá sổ
--	--

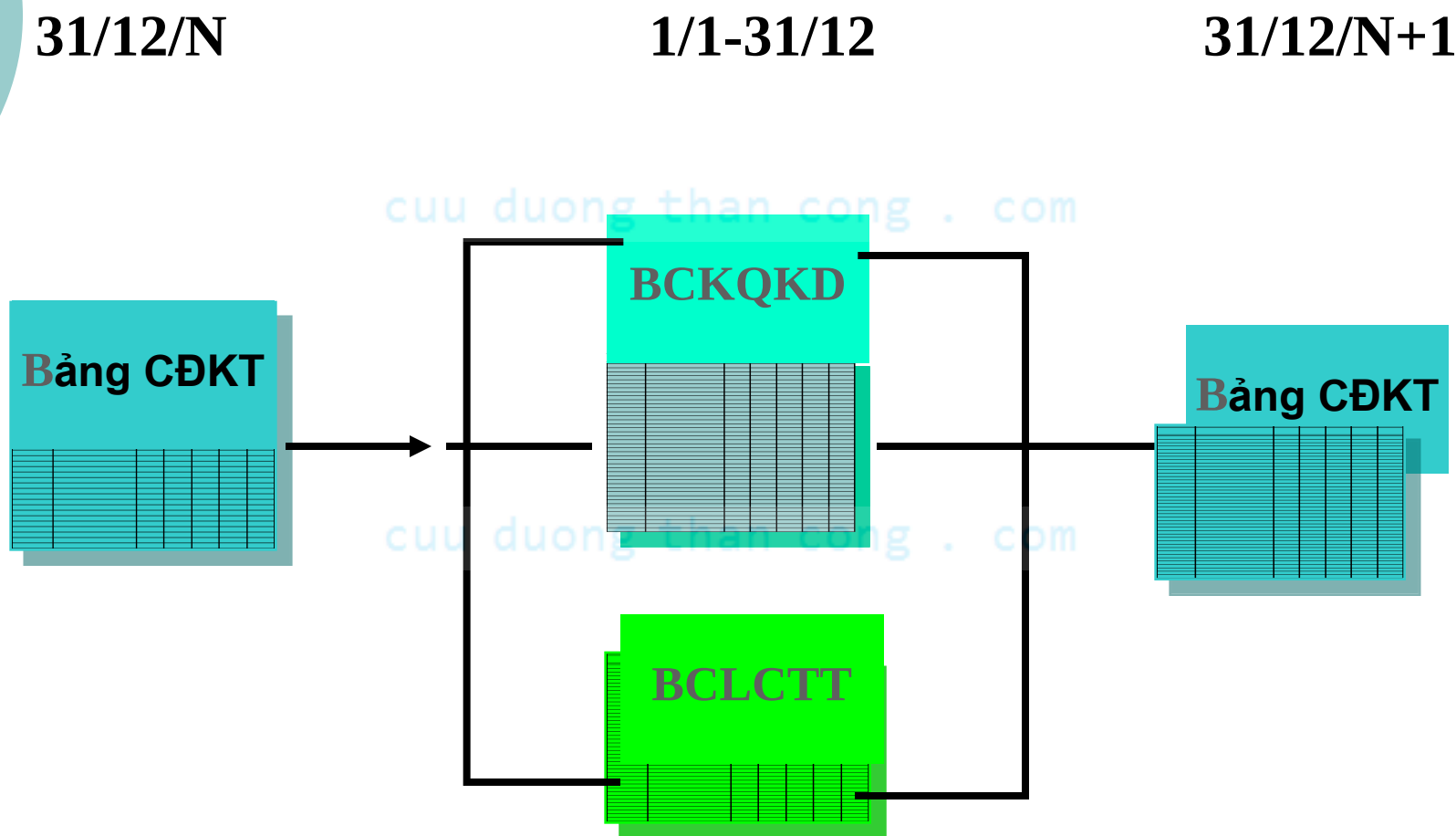
b.3. Báo cáo I- u chuyển tiền t□ (VAS s□ 24)

➤ Kh□i ni□m:

Là báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh việc hình thành và sử dụng tiền trong kỳ kế toán.

cuu duong than cong . com

Mục tiêu của BCLCTT



Tại sao việc phân tích dòng tiền lại quan trọng ?

- ✓ Đo lường khả năng tạo ra các dòng tiền và nhu cầu về tiền của doanh nghiệp.
- ✓ Đo lường khả năng thực hiện các nghĩa vụ đối với các chủ nợ, Nhà nước...
- ✓ Cung cấp thông tin xác định nhu cầu về tiền của doanh nghiệp cho kỳ tiếp theo.
- ✓ Cung cấp thông tin cần thiết cho việc hoạch định và kiểm soát.
- ✓ Giải thích sự khác biệt giữa tiền và lợi tức sau thuế.

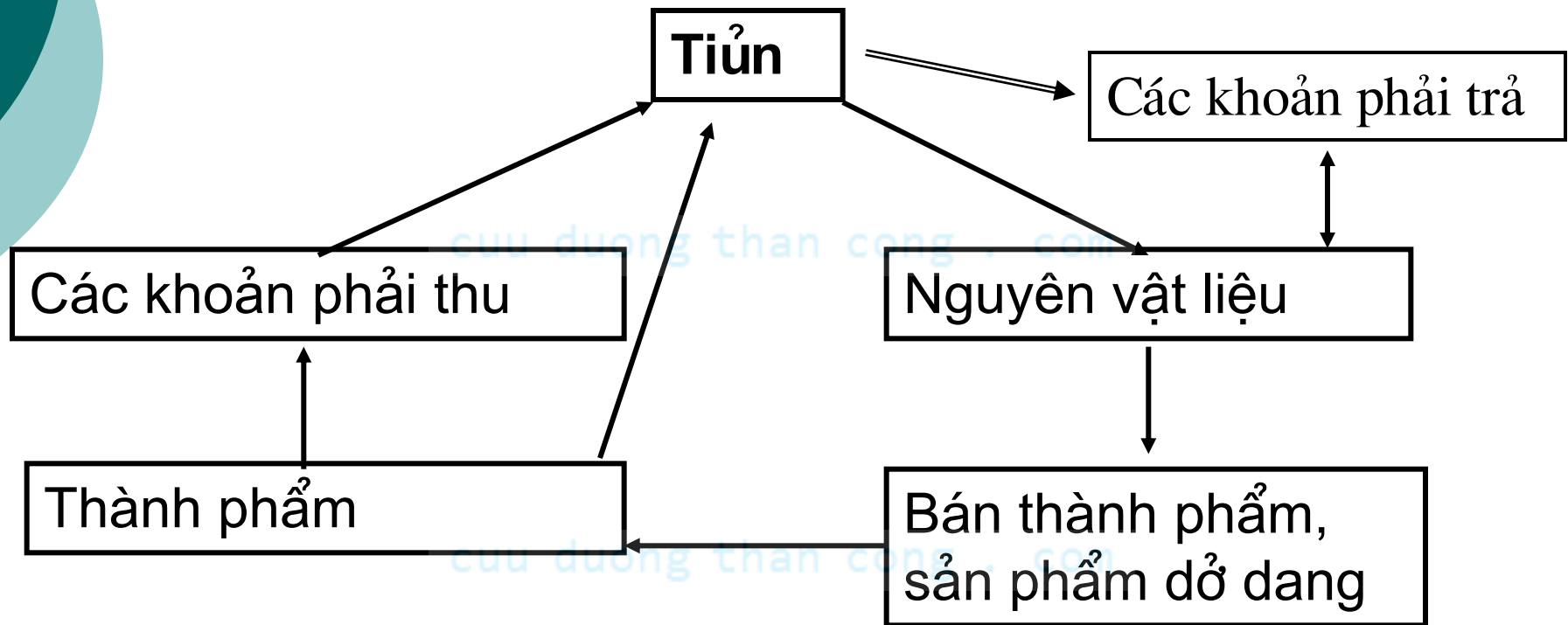
Số dư tiền tệ bao gồm

- Tiền mặt
- TGNH
- Các khoản tương đương tiền (có khả năng thu hồi vốn trong vòng 3 tháng)
 - Kỳ phiếu
 - Trái phiếu chính phủ

Các hoạt động tạo ra các dòng tiền

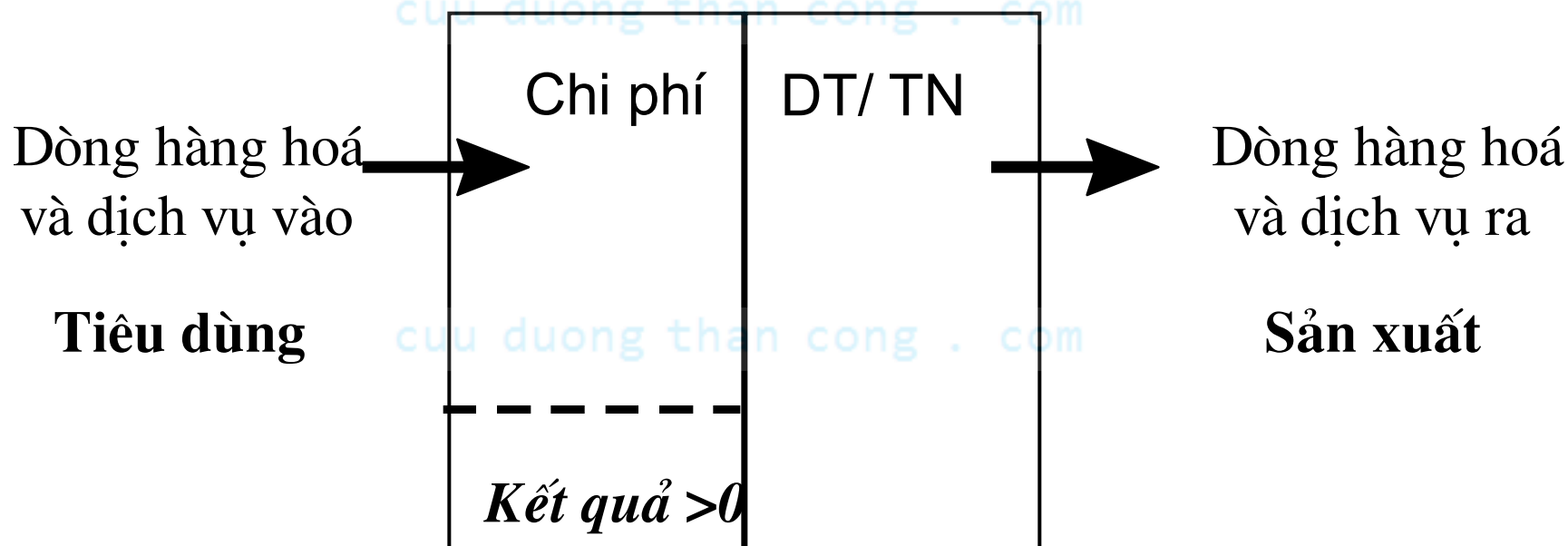
- ✓ **Hoạt động kinh doanh:** là các hoạt động tạo ra doanh thu chủ yếu của DN và các hoạt động khác không phải là hoạt động đầu t- và hoạt động tài chính.
- ✓ **Hoạt động đầu t-:** là các hoạt động mua bán, xây dựng, thanh lý, nh- ợng bán các tài sản dài hạn và các khoản đầu t- khác không nằm trong các khoản t- ợng đ- ợng tiền.
- ✓ **Hoạt động tài chính:** là các hoạt động tạo ra các thay đổi về quy mô và kết cấu của vốn chủ sở hữu và vốn vay của DN.

Chu k□ c□ a dĐng tiủ



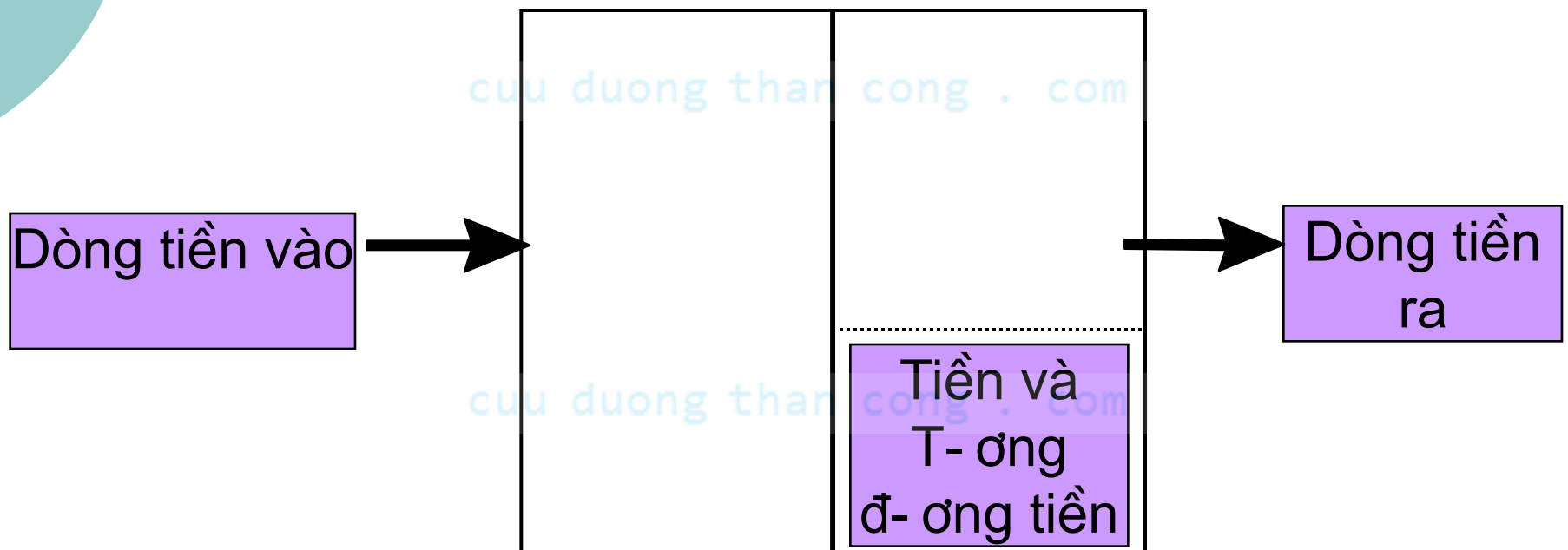
Sơ đồ khố biệt giữa dòng tiền và lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế = Doanh thu - Chi phí
Bộ công kết quả



Sơ đồ khác biệt giữa dòng tiền và Lợi nhuận sau thuế

Báo cáo L-u chuyển tiền tệ



Cash - flow t□ ho□t ă□ng ă□u t-

- Tiền thu từ bán hàng (+)
- Tiền thu từ các khoản phải thu (+)
- Tiền thu từ các khoản khác (+)
- Tiền trả cho người cung cấp□ (-)
- Tiền chi trả ng- ời lao động (-)
- Tiền nộp thuế (-)..
- Tiền trả lãi vay.

Cash - flow t□ ho□t ă□ng ă□u t-

- Tiền mua TSCĐ (-)
- Tiền đầu t- vào các đơn vị khác (-)
- Thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận (+)
- Thu do nh- ợng bán TSCĐ (+)
- Thu hồi các khoản đầu t- dài hạn (+)

Cash - flow t□ ho□t ă□ng tài ch□nh

- Tiền vốn góp, phát hành cổ phiếu
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn;
- Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của chính DN đã phát hành.
- Tiền trả nợ vay
- Tiền cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu.

Thuyết minh các báo cáo tài chính

- Giải trình và bổ sung, thuyết minh về tình hình hoạt động SXKD, tình hình tài chính của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo, mà chưa được trình bày đầy đủ, chi tiết hết trong các báo cáo tài chính khác.

cuu duong than cong . com

Thuyết minh các báo cáo tài chính

✓ Nội dung :

- Đặc điểm hoạt động
- Chính sách kế toán áp dụng
- Chi tiết một số chỉ tiêu trong các báo cáo tài chính :
- Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động
- Các kiến nghị.

KẾT THÚC CHƯƠNG V

cuu duong than cong . com

cuu duong than cong . com